

MULTIS COMPLEX EP 3



Mỡ bôi trơn



Mỡ đa dụng phức Lithium chịu cực áp và nhiệt độ cao

Ứng Dụng

Mỡ đa dụng chịu cực áp với tải trung bình

Bôi trơn chung

Sự khuyến nghị

- **MULTIS COMPLEX EP 3** được thiết kế để bôi trơn nhiều ứng dụng khác nhau trong mọi điều kiện vận hành, đặc biệt là khi nhiệt độ làm việc cao và khi ứng dụng của các loại mỡ lithium thông thường không đáp ứng được.
- **MULTIS COMPLEX EP 3** là loại mỡ đa dụng, thích hợp cho bôi trơn các ổ bi chịu tải như ổ bi cầu/lăn/trượt, ổ bi bánh xe, các khớp nối thông dụng, khung gầm, nhiều ứng dụng chịu sốc hoặc rung trong các phương tiện vận tải, các xe nông nghiệp và công trường.
- Thích hợp cho bôi trơn tổng quát trong ứng dụng công nghiệp yêu cầu loại mỡ chịu cực áp độ đặc số 3, bền ở nhiệt độ cao.
- Luôn luôn tránh làm bắn mỡ do bụi bẩn và/hoặc bụi đất khi tra mỡ. Ưu tiên sử dụng hệ thống bơm hơi hoặc ống bơm mỡ.

Đặc Điểm Kỹ Thuật

- ISO 6743-9: L-XBDHB 3
- DIN 51 502: P3N-20

Ưu Điểm

Dãi ứng dụng rộng

Màng dầu ổn định

Ổn định cơ khí

Ổn định nhiệt

Có thể hòa trộn

Không chứa chất độc hại

- Với thành phần cấu tạo tinh vi, **MULTIS COMPLEX EP 3** đáp ứng được nhiều yêu cầu khác nhau. Phạm vi ứng dụng đa dạng của sản phẩm giúp tối ưu hóa việc lưu kho và đơn giản hóa việc bảo trì.
- Đáp ứng được tiêu chuẩn của hầu hết các nhà sản xuất ô tô.
- Tạo ra một lớp màng dầu bôi trơn bền, kháng hơi ẩm, sự thay đổi nhiệt độ và ô nhiễm, do đó giảm việc bảo trì và chi phí.
- Hòa trộn được với hầu hết các mỡ chứa chất làm đặc thông thường khác.
- **MULTIS COMPLEX EP 3** không chứa chì, hoặc các kim loại nặng khác gây nguy hại cho sức khỏe và môi trường.

| Các Đặc Tính Tiêu Biểu | Phương Pháp | Đơn Vị | MULTIS COMPLEX EP 3 |
|---------------------------------|---------------------------------------|--------------------------|---------------------|
| Chất làm đặc | | | Lithium complex |
| Phân loại NLGI | ASTM D 217/DIN 51 818 | - | 3 |
| Màu | Bằng mắt | - | Nâu đậm |
| Sự thể hiện | Bằng mắt | - | Mịn |
| Nhiệt độ làm việc | | °C | - 20 đến 160 |
| Độ xuyên kim ở 25 °C | ASTM D 217/DIN51 818 | 0.1 mm | 220 - 250 |
| Tải hàn dính 4 bi | ASTM D 2596 | kgf | 400 |
| Đặc tính chống rỉ sét SKF-EMCOR | DIN 51 802/IP220/NFT 60-135/ISO 11007 | Mức | 0 - 0 |
| Điểm nhỏ giọt | IP 396/DIN ISO 2176 | °C | 275 |
| Độ nhớt dầu gốc ở 40 °C | ASTM D 445/DIN 51 562-1/ISO 3104/IP71 | mm ² /s (cSt) | 250 |

Các thông số trên đại diện cho các giá trị trung bình dùng làm thông tin tham khảo

TOTAL VIỆT NAM

01-03-2018 (thay cho phiên bản 02-02-2018)

MULTIS COMPLEX EP 3

1/1

Mỡ này khi được sử dụng theo khuyến nghị của chúng tôi và cho mục đích đã dự định, sẽ không

có mối nguy hiểm đặc biệt nào. Bản đặc tính an toàn sản phẩm tuân theo pháp chế EC hiện hành có thể được cung cấp bởi Công Ty TNHH Total Việt Nam www.quick-fds.com

